

Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2020

Triệu đồng

	Số liệu kỳ báo cáo	Số liệu cùng kỳ năm trước	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cơ cấu kỳ báo cáo (%)	Cơ cấu cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	4,113,000	3,593,337	114.46	100.00	100.00
I. Thu nội địa	3,625,000	3,241,883	111.82	88.14	90.22
Thu từ doanh nghiệp nhà nước	415,000	516,377	80.37	10.09	14.37
Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	215,000	150,455	142.90	5.23	4.19
Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh	498,000	562,560	88.52	12.11	15.66
Thuế thu nhập cá nhân	260,000	242,603	107.17	6.32	6.75
Thuế bảo vệ môi trường	85,000	89,023	95.48	2.07	2.48
Thu phí, lệ phí	227,000	222,920	101.83	5.52	6.2
Trong đó: Lệ phí trước bạ	167,000	164,996	101.21	4.06	4.59
Các khoản thu về nhà, đất	1,225,800	885,947	138.36	29.8	24.66
Thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán)	551,000	358,433	153.72	13.4	9.97
Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	48,000	66,393	72.30	1.17	1.85
Thu khác ngân sách	100,000	120,538	82.96	2.43	3.35
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	200	136	147.06	0	0
Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế	-	26,498	-	-	0.74
Chênh lệch thu, chi của ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-
II. Thu về dầu thô	-	-	-	-	-
III. Thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu	488,000	351,454	138.85	11.86	9.78
IV. Thu viện trợ	-	-	-	-	-